

Số: 114/BB-QLKH

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 6 năm 2026

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN, ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ, CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

A. Thông tin chung:

1. Tên đề tài: Nghiên cứu phục tráng, khai thác và phát triển nguồn gen giống rau Bò Khai (*Erythrolalum Scandens* Blume) tại tỉnh Thái Nguyên.

2. Quyết định thành lập Hội đồng: Số 214/QĐ-SKHCN ngày 23/5/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

3. Địa điểm và thời gian:

- Địa điểm: Hội trường tầng 2 - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

- Thời gian: Từ 14h00 đến 15h30 ngày 03/6/2026.

4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên 07/07 người.

Vắng mặt 0 người, gồm các thành viên: 0

5. Thành phần tham dự họp hội đồng:

* Thành viên hội đồng:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
1	ThS. Hoàng Văn Thiên	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Thị Thủy	Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Phó Chủ tịch
3	TS. Dương Trung Dũng	Trưởng Khoa Công nghệ Nông nghiệp, Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên	Ủy viên, phản biện 1
4	PGS.TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Ủy viên, phản biện 2
5	TS. Đào Văn Khởi	Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ủy viên
6	ThS. Dương Sơn Hà	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy viên
7	KS. Vũ Duy An	Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học - Sở KH&CN	Ủy viên, thư ký HĐ

(Thư ký hành chính: ThS. Triệu Thị Huệ - Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên)

* Đại biểu tham dự:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Đào Thị Phương Thảo	Sở KH&CN Thái Nguyên	
2	Đào Lê Duy Thắng	Sở KH&CN Thái Nguyên	
3	Nguyễn Văn Dẫn	Sở KH&CN Thái Nguyên	
4	Đoàn Xuân Cảnh	Nguyên viện phó, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm	
5	Nguyễn Thị Miên	Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm	

B. Nội dung làm việc của hội đồng:

1. Ông Vũ Duy An - Ủy viên, Thư ký khoa học hội đồng thông qua Quyết định Số 214/QĐ-SKHCN ngày 23/5/2026 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp, thống nhất nguyên tắc, chương trình làm việc.

3. Các ủy viên phản biện trình bày nhận xét, các ủy viên hội đồng nhận xét, đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn (có chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

C. Bỏ phiếu đánh giá:

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: Đ/c Vũ Duy An
- Thành viên: Đ/c Nguyễn Thanh Tuấn
- Thành viên: Đ/c Đào Văn Khởi

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký:

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN trong biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu: 07/07 thành viên của Hội đồng đã bỏ phiếu, số điểm trung bình là **81,7 điểm**.

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng

1. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi:

(1) Tên nhiệm vụ: Không

(2) Mục tiêu nhiệm vụ: Rà soát, bổ sung mục tiêu tại thuyết minh của đề tài theo đặt hàng của UBND tỉnh (Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 19/3/2026 của

UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2026 (đợt 2)).

(3) *Các nội dung chính thực hiện:* Rà soát, sắp xếp lại các nội dung nghiên cứu, sửa các nội dung thực hiện theo từng mục tiêu nghiên cứu, trong đó nội dung nghiên cứu cơ sở lý luận được thực hiện trước các nội dung khác của đề tài.

(4) *Sản phẩm của nhiệm vụ:* Chi tiết tại Phụ lục ý kiến của các thành viên Hội đồng và đại biểu kèm theo.

(5) *Số lượng chuyên gia cần thiết tham gia thực hiện:* Chi tiết tại Phụ lục ý kiến của các thành viên Hội đồng và đại biểu kèm theo.

(6) *Phương thức khoán chi:*

a) *Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng* ☐

b) *Khoán chi từng phần* ☒

2. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ:

☒ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Kết luận của Hội đồng:

Hội đồng thống nhất các nội dung chính như sau:

- Tên đề tài Nghiên cứu phục tráng, khai thác và phát triển nguồn gen giống rau Bò Khai (*Erythrolum Scandens Blume*) tại tỉnh Thái Nguyên.

- Mã số đề tài là: **ĐT/NN/20/2026**

- Thời gian thực hiện: **36 tháng.**

- Căn cứ kết quả đánh giá, hội đồng nhất trí lựa chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm sau đây trúng tuyển và đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt:

Tên tổ chức: Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm.

Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: TS. Nguyễn Thị Miên.

- Đề nghị Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài tiếp thu tối đa các ý kiến tham gia tại các phiếu nhận xét và ý kiến phát biểu của thành viên Hội đồng (tại phụ lục chi tiết kèm theo), trong đó có các nội dung chính như sau:

+ Bổ sung, làm rõ hơn tính mới, tính khác biệt và khoảng trống nghiên cứu của đề tài so với các nghiên cứu đã thực hiện; cập nhật số liệu hiện trạng diện tích sản xuất, nguồn giống, quy mô khai thác, hiệu quả kinh tế, nhu cầu thị trường và các căn cứ thực tiễn triển khai tại tỉnh Thái Nguyên.

+ Cụ thể hóa mục tiêu và sản phẩm theo hướng định lượng, gắn với yêu cầu nghiệm thu. Đặc biệt, cần bổ sung đầy đủ sản phẩm “công bố lưu hành giống rau

Bò Khai" vào danh mục sản phẩm của đề tài; làm rõ hồ sơ, căn cứ pháp lý, lộ trình thực hiện, đơn vị chịu trách nhiệm và thời điểm hoàn thành nội dung này.

+ Hoàn thiện phương pháp nghiên cứu; bổ sung tiêu chí chọn cây mẹ, tiêu chí phục tráng, tiêu chí loại thải, chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, độ đồng đều, khả năng chống chịu sâu bệnh và phương án bảo tồn nguồn giống sau phục tráng. Đối với các thí nghiệm kỹ thuật, cần làm rõ cơ sở lựa chọn công thức về chất kích thích ra rễ, giá thể, loại hom, che sáng, mật độ, phân bón; bổ sung công thức đối chứng, phương pháp xử lý số liệu thống kê và tiêu chí lựa chọn công thức tối ưu để đưa vào quy trình.

+ Rà soát, chuẩn hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ; làm rõ hình thức công nhận 02 quy trình kỹ thuật, phạm vi áp dụng, trách nhiệm chuyển giao cho địa phương, HTX, hộ dân; bổ sung các chỉ tiêu đánh giá chất lượng sản phẩm và yêu cầu về mã QR truy xuất nguồn gốc, cơ sở dữ liệu, chủ thể quản lý, phương án duy trì sau khi đề tài kết thúc.

+ Làm rõ phương án xây dựng mô hình, nhất là điều kiện lựa chọn hộ tham gia, nguồn cây giống, quy trình chăm sóc, cơ chế giám sát kỹ thuật, phương án tiêu thụ sản phẩm, trách nhiệm của HTX, Hội Nông dân và chính quyền địa phương. Đối với chỉ tiêu hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu so với sản xuất thông thường, cần bổ sung mô hình đối chứng, phương pháp tính toán, chỉ tiêu so sánh, giá bán, chi phí đầu vào, năng suất, lợi nhuận và điều kiện xác nhận kết quả.

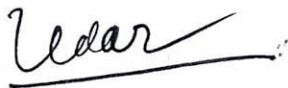
+ Rà soát tính thống nhất của hồ sơ về quy mô thí nghiệm, diện tích, kinh phí, đơn vị tính, địa danh hành chính, thuật ngữ chuyên môn; làm rõ nhiệm vụ của từng thành viên tham gia, vai trò của từng đơn vị phối hợp, phương án tiếp nhận, ứng dụng và nhân rộng kết quả sau nghiệm thu.

- Về khoán kinh phí: Thực hiện phương thức khoán từng phần.

- Tổ chức chủ trì sửa lại thuyết minh, dự toán kinh phí cho phù hợp với yêu cầu của Hội đồng; bổ sung, làm rõ căn cứ lập dự toán, các định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng (nếu có), các tài liệu minh chứng cho việc lập dự toán.

Hội đồng tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh theo quy định./.

THƯ KÝ KHOA HỌC



KS. Vũ Duy An

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ KH&CN
TS. Nguyễn Thị Thủy**

Phụ lục
Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Kèm theo Biên bản số 114/BB-QLKH ngày 03/6/2026 của Hội đồng tư vấn, đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh)

1. Ủy viên Phản biện 1: TS. Dương Trung Dũng

- Cần bổ sung công việc để hoàn chỉnh nội dung: Quy trình chăm sóc cây mẹ; Thời vụ giâm hom; Quy trình tưới nước; Bảo vệ thực vật.
- Cần sửa chính xác các công thức thí nghiệm, nguyên vật liệu cho từng nội dung.
- Cần chỉnh sửa, bổ sung một số công việc để hoàn thiện quy trình sản xuất.

2. Ủy viên phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Thanh Tuấn

a) Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:

- Phân luận giải có thể bổ sung và làm rõ hơn làm rõ hơn cơ sở lựa chọn đối tượng phục tráng; bổ sung các số liệu định lượng về hiện trạng diện tích sản xuất, quy mô khai thác, hiện trạng nguồn giống, hiệu quả kinh tế và nhu cầu thị trường nhằm làm rõ hơn tính cấp thiết và sự cần thiết triển khai đề tài tại tỉnh Thái Nguyên.

- Để tăng tính logic và tính thuyết phục của thuyết minh, cần tăng cường hơn nữa việc phân tích, tổng hợp và đánh giá các kết quả nghiên cứu đã công bố nhằm làm rõ khoảng trống nghiên cứu và cơ sở khoa học của đề tài. Đối với nội dung phục tráng giống, nên bổ sung và luận giải rõ hơn cơ sở khoa học, thực tiễn, hiện trạng nguồn giống và căn cứ lựa chọn đối tượng phục tráng. Đối với các nghiên cứu về nhân giống và biện pháp kỹ thuật canh tác, cần làm rõ hơn cơ sở lựa chọn các nội dung nghiên cứu về thuốc kích thích ra rễ, giá thể, loại hom, mức độ che sáng, mật độ trồng và phân bón. Đồng thời, nên rà soát, sắp xếp lại phần tổng quan theo các nhóm nội dung nghiên cứu để nâng cao tính hệ thống và sự liên kết với các nội dung nghiên cứu của đề tài.

b) Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:

- Phần thuyết minh nên làm rõ hơn nhiệm vụ của từng thành viên tham gia và vai trò của các đơn vị phối hợp trong từng nội dung nghiên cứu, đặc biệt đối với các hoạt động xây dựng mô hình, chứng nhận VietGAP và phát huy kết quả sau khi đề tài kết thúc.

- Phương pháp nghiên cứu cần được trình bày cụ thể hơn. Phương pháp điều tra hiện trạng cần nêu rõ quy mô mẫu điều tra, số hộ điều tra và các chỉ tiêu thu thập. Đối với nội dung phục tráng giống, cần làm rõ hơn các tiêu chí đánh giá, chọn lọc và bình tuyển cây mẹ. Đối với các nghiên cứu về nhân giống và biện pháp kỹ thuật canh tác, cần bổ sung, chuẩn hóa hệ thống chỉ tiêu theo dõi, phương pháp

đánh giá và phân tích số liệu nhằm bảo đảm tính khoa học, tính thống nhất và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu. Đồng thời, cần làm rõ hơn phương pháp đánh giá hiệu quả của mô hình trình diễn làm cơ sở cho việc ứng dụng và nhân rộng kết quả sau khi đề tài kết thúc.

- Cần làm rõ hơn cơ sở khoa học cho việc lựa chọn một số công thức kỹ thuật trong thí nghiệm, đặc biệt là các mức che sáng, mật độ trồng và lượng phân bón.

c) Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:

- Rà soát và cụ thể hóa hơn một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng đối với sản phẩm giống phục tráng, hiệu quả áp dụng của các quy trình kỹ thuật và hiệu quả của mô hình sản xuất làm cơ sở cho việc đánh giá, nghiệm thu kết quả sau này.

- Đề tài không đăng ký chỉ tiêu đào tạo sau đại học. Tuy không có sản phẩm đào tạo theo đăng ký, nhưng kết quả nghiên cứu của đề tài có thể được khai thác phục vụ công tác đào tạo, hướng dẫn học viên và sinh viên trong lĩnh vực khoa học cây trồng.

d) Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:

- Cần bổ sung và làm rõ hơn các thông tin về nhu cầu thị trường, quy mô tiêu thụ, định hướng liên kết sản xuất - tiêu thụ và khả năng duy trì, mở rộng vùng sản xuất sau khi kết thúc đề tài.

- Để nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu, thuyết minh nên làm rõ hơn phương án duy trì, nhân rộng mô hình và vùng sản xuất sau khi kết thúc đề tài; đồng thời bổ sung các giải pháp liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm gắn với khai thác và phát triển bền vững nguồn gen rau Bò Khai tại địa phương.

e) Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:

- Để nâng cao tính khả thi và hiệu quả triển khai đề tài, cần làm rõ hơn cơ chế phối hợp giữa các đơn vị tham gia trong quá trình thực hiện; đồng thời bổ sung phương án quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả các tài sản, kết quả nghiên cứu sau khi đề tài kết thúc.

- Đề nghị rà soát, thuyết minh rõ hơn cơ sở xác định một số khoản chi, đặc biệt đối với các nội dung xây dựng mô hình, chứng nhận VietGAP và hoạt động chuyển giao kết quả nghiên cứu.

f) Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:

- Để nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu, thuyết minh nên làm rõ hơn phương án duy trì, nhân rộng mô hình và vùng sản xuất sau khi kết thúc đề tài; đồng thời bổ sung các giải pháp liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm gắn với khai thác và phát triển bền vững nguồn gen rau Bò Khai tại địa phương.

- Cần làm rõ hơn cơ chế phối hợp giữa các đơn vị tham gia trong quá trình thực hiện; đồng thời bổ sung phương án quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả các tài sản, kết quả nghiên cứu sau khi đề tài kết thúc.

* Đề nghị nhóm nghiên cứu chỉnh sửa và hoàn thiện thuyết minh theo các góp ý sau:

+ Bổ sung các số liệu định lượng về hiện trạng sản xuất, nguồn giống, hiệu quả kinh tế và nhu cầu thị trường nhằm làm rõ hơn tính cấp thiết và sự cần thiết triển khai đề tài.

+ Rà soát, cập nhật và tăng cường phân tích, đánh giá các tài liệu nghiên cứu liên quan; làm rõ khoảng trống nghiên cứu và cơ sở khoa học của các nội dung phục tráng giống, nhân giống và biện pháp kỹ thuật canh tác.

+ Hoàn thiện phương pháp nghiên cứu; bổ sung, cụ thể hóa các tiêu chí bình tuyển cây mẹ, hệ thống chỉ tiêu theo dõi, phương pháp đánh giá hiệu quả mô hình và phân tích số liệu nghiên cứu.

+ Cụ thể hóa hơn một số chỉ tiêu chất lượng của sản phẩm nghiên cứu, đặc biệt đối với sản phẩm giống phục tráng, quy trình kỹ thuật và mô hình sản xuất.

+ Làm rõ nhiệm vụ của các thành viên tham gia, vai trò của các đơn vị phối hợp và phương án tiếp nhận, ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu sau khi kết thúc đề tài.

+ Rà soát, thuyết minh rõ hơn cơ sở xây dựng một số khoản kinh phí; đồng thời chỉnh sửa, hoàn thiện hình thức trình bày, cập nhật số liệu và thống nhất thuật ngữ trong toàn bộ thuyết minh.

3. Ủy viên: TS. Đào Văn Khởi

a) Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:

- Cần làm rõ hơn tính mới và tính khác biệt của đề tài so với các nghiên cứu đã được thực hiện trước đây về cây rau Bò Khai tại Thái Nguyên và các địa phương khác.

- Bổ sung phân tích khoảng trống nghiên cứu và những vấn đề thực tiễn chưa được giải quyết để làm nổi bật hơn sự cần thiết của đề tài.

- Phân tích rõ hơn những yếu tố gây cản trở việc phát triển giống rau bò khai tại tỉnh Thái Nguyên; giá trị dinh dưỡng tốt cho người dùng khi sử dụng giống rau bò khai.

- Tổng hợp các cảnh báo an toàn (nếu có) khi sử dụng làm thực phẩm.

b) Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:

- Bổ sung và làm rõ các tiêu chí lựa chọn cây mẹ phục vụ phục tráng giống như năng suất, chất lượng ngon, khả năng tái sinh, khả năng chống chịu sâu bệnh và độ đồng đều của giống.

- Làm rõ hơn cơ sở khoa học của việc lựa chọn các công thức thí nghiệm về che sáng, mật độ trồng, mức phân bón và nồng độ chất kích thích ra rễ.

- Bổ sung các chỉ tiêu đánh giá chất lượng sản phẩm như hàm lượng vitamin C, chất khô, nitrat, chất xơ hoặc các chỉ tiêu an toàn thực phẩm.

- Cần bổ sung phương pháp xử lý số liệu thống kê chi tiết hơn để nâng cao độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

- Bổ sung căn cứ lựa chọn địa điểm nghiên cứu và xây dựng mô hình nhằm đảm bảo tính đại diện cho vùng sản xuất rau Bò Khai của tỉnh.

c) Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:

- Cần lượng hóa rõ hơn một số chỉ tiêu sản phẩm khoa học và công nghệ như tỷ lệ sống của hom giống, năng suất dự kiến của giống phục tráng, mức tăng năng suất hoặc chất lượng so với giống đang sản xuất phổ biến.

- Bổ sung các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả chuyển giao và khả năng nhân rộng mô hình sau khi kết thúc đề tài.

- Xem xét bổ sung tài liệu hướng dẫn kỹ thuật hoặc sổ tay kỹ thuật phục vụ chuyển giao cho người sản xuất.

d) Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:

- Bổ sung đánh giá hiệu quả kinh tế của giống rau Bò Khai phục tráng so với giống đang được sản xuất phổ biến hiện nay.

- Làm rõ phương án duy trì, bảo tồn và khai thác nguồn gen sau khi đề tài kết thúc.

- Bổ sung kế hoạch liên kết với hợp tác xã, doanh nghiệp hoặc hệ thống phân phối nhằm tiêu thụ sản phẩm và nhân rộng kết quả nghiên cứu.

- Bổ sung đánh giá tác động xã hội và môi trường khi phát triển vùng sản xuất rau Bò Khai hàng hóa.

e) Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5: Lấy ý kiến của đơn vị chuyên môn về Tài chính trước khi triển khai các bước thực hiện đề tài.

f) Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:

- Bổ sung rõ hơn vai trò, nhiệm vụ của từng thành viên tham gia thực hiện đề tài.

- Làm rõ sự tham gia của các đơn vị phối hợp tại địa phương trong quá trình xây dựng mô hình và tiếp nhận kết quả nghiên cứu.

* Đề nghị Ban chủ nhiệm đề tài tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung sau:

- + Làm rõ hơn tính mới và tính khác biệt của đề tài.

- + Bổ sung tiêu chí phục tráng và tuyển chọn cây mẹ.

- + Bổ sung các chỉ tiêu đánh giá chất lượng sản phẩm.
- + Làm rõ cơ sở lựa chọn các công thức thí nghiệm.
- + Bổ sung nội dung đánh giá hiệu quả kinh tế.
- + Hoàn thiện phương án bảo tồn và phát triển nguồn gen sau khi kết thúc đề tài.
- + Bổ sung phương án liên kết tiêu thụ sản phẩm và nhân rộng kết quả nghiên cứu.
- + Rà soát, cập nhật các số liệu kinh tế - xã hội và tài liệu tham khảo mới nhất.

4. Ủy viên: ThS. Dương Sơn Hà

- Đề nghị rà soát, bổ sung hoàn thiện bản thuyết minh (phần mục tiêu); vì trong nội dung phần công việc đã có.
- Bổ sung làm rõ mục tiêu của đề tài đảm bảo có định lượng và định tính theo yêu cầu đặt hàng tại QĐ 602/QĐ-UBND.
- Làm rõ phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan/tổ chức ứng dụng.
- Đánh giá cụ thể hơn về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của dự án.
- Rà soát chi tiết kinh phí đảm bảo đúng định mức kinh tế kỹ thuật và quy định pháp luật.

5. Ủy viên: KS. Vũ Duy An

- Ban chủ nhiệm cần xem lại sai sót về đơn vị tính tại Mục 15.2 (thống kê "Sản lượng rau, đậu năm năm 2024... là 288,22 nghìn ha" - đang ghi sai đơn vị diện tích thành sản lượng) và nên bổ sung thêm số liệu thống kê cập nhật của năm 2025 để tăng tính thuyết phục.
- Cần lưu ý sự thiếu thống nhất về quy mô: Tại Trang 15, Nội dung 3, Công việc 3.1 ghi quy mô diện tích thí nghiệm là 1.080 m². Tuy nhiên, tại phần giải trình chi tiết thủ lao (Mục II.3.1) và giải trình nguyên vật liệu (Mục 2.1) lại ghi quy mô diện tích là 360 m². Đề nghị rà soát và chuẩn hóa lại số liệu này trên toàn bộ hồ sơ.
- Đối chiếu với yêu cầu đầu ra bắt buộc tại Quyết định số 602/QĐ-UBND, Thuyết minh đang bỏ sót sản phẩm "Công bố lưu hành giống rau Bò Khai". Mặc dù mục 23.4 có nhắc đến việc công bố lưu hành, nhưng nội dung này chưa được đưa vào Bảng danh mục sản phẩm (Mục 22). Đề nghị bổ sung sản phẩm này thành chỉ tiêu bắt buộc tại Mục 22 để làm căn cứ nghiệm thu khối lượng công việc sau này.
- Về dự toán, tổng kinh phí đề xuất là 2.100 triệu đồng, đúng với hạn mức được duyệt. Tuy nhiên, sai lệch về diện tích mô hình thí nghiệm (1.080 m² so với

360 m²) giữa các phần của thuyết minh sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tính chính xác của bảng dự toán nhân công và nguyên vật liệu phải điều chỉnh lại để đảm bảo sự chặt chẽ trước khi trình phê duyệt.

6. Phó Chủ tịch Hội đồng: TS. Nguyễn Thị Thủy

** Về sự phù hợp với nhiệm vụ đặt hàng của tỉnh*

- Cần bổ sung, làm rõ sản phẩm “công bố lưu hành giống rau Bò Khai” vì đây là yêu cầu quan trọng trong danh mục đặt hàng. Thuyết minh mới thể hiện nội dung phục tráng và mô tả giống, nhưng chưa trình bày rõ hồ sơ, trình tự, căn cứ pháp lý, đơn vị chịu trách nhiệm và thời điểm hoàn thành việc công bố lưu hành giống. Đây là điểm cần chỉnh sửa bắt buộc để bảo đảm sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tỉnh.

- Đối với yêu cầu mô hình có hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 15% so với thông thường, thuyết minh cần bổ sung phương pháp xác định mô hình đối chứng, chỉ tiêu so sánh, cách tính hiệu quả kinh tế, giá bán dự kiến, chi phí đầu vào, năng suất, lợi nhuận và điều kiện xác nhận kết quả. Nếu không làm rõ nội dung này, việc nghiệm thu chỉ tiêu “tăng tối thiểu 15%” sẽ thiếu căn cứ.

** Về mục tiêu và sản phẩm của đề tài*

- Sản phẩm của đề tài cần được chuẩn hóa theo nhóm: sản phẩm khoa học, sản phẩm công nghệ, sản phẩm ứng dụng, sản phẩm đào tạo - tập huấn và sản phẩm phục vụ quản lý. Đối với “giống rau Bò Khai được phục tráng”, cần nêu rõ tiêu chí về độ đồng đều, đặc điểm hình thái, năng suất, chất lượng, khả năng nhân giống, khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện bảo tồn nguồn giống sau phục tráng.

- Đối với 02 quy trình kỹ thuật, cần làm rõ hình thức công nhận, cơ quan/cấp nghiệm thu cơ sở, phạm vi áp dụng và trách nhiệm chuyển giao cho địa phương, HTX, hộ dân. Đối với mã QR truy xuất nguồn gốc, cần bổ sung yêu cầu về cơ sở dữ liệu, thông tin tối thiểu đưa lên mã QR, chủ thể quản lý, phương án duy trì sau đề tài.

** Về tổng quan và luận giải tính cấp thiết*

- Phần tổng quan còn dài, có chỗ thiên về mô tả, chưa phân tích sâu khoảng trống nghiên cứu mà đề tài cần giải quyết tại Thái Nguyên. Cần rút gọn các thông tin mang tính phổ thông, tăng phần phân tích hiện trạng nguồn giống tại Thái Nguyên, mức độ thoái hóa giống, nhu cầu giống chất lượng, khó khăn trong nhân giống, canh tác, chứng nhận VietGAP và tiêu thụ sản phẩm.

- Một số số liệu về diện tích, giá bán, hiệu quả kinh tế cần kiểm chứng, ghi rõ nguồn và thời điểm thu thập. Cụm từ “sản lượng rau, đậu năm 2024 là 288,22 nghìn ha” cần rà soát vì “sản lượng” không tính bằng “ha”; nếu là diện tích thì cần sửa lại đúng đơn vị, nếu là sản lượng thì cần sửa thành tấn hoặc nghìn tấn.

** Về nội dung và phương pháp nghiên cứu*

- Thứ nhất: Nội dung khảo sát hiện trạng cần bổ sung quy mô mẫu điều tra, số hộ, số điểm khảo sát, tiêu chí chọn điểm, phiếu điều tra và phương pháp xử lý số liệu. Việc chỉ nêu xử lý bằng Excel là chưa đủ; cần bổ sung phương pháp thống kê, so sánh, phân tích hiệu quả kinh tế và đánh giá hiện trạng nguồn giống.

- Thứ hai: Nội dung phục tráng cần quy định rõ tiêu chí chọn cây mẹ, tiêu chí loại thải, số vụ/năm theo dõi, số lần đánh giá, chỉ tiêu chất lượng rau, tiêu chí sạch sâu bệnh và phương án bảo tồn cây mẹ sau bình tuyển. Việc đánh giá 800 - 1.000 cây để bình tuyển 300 - 400 cây mẹ là phù hợp về quy mô, nhưng cần làm rõ cơ sở khoa học của tỷ lệ chọn lọc.

- Thứ ba: Các thí nghiệm về chất kích thích ra rễ, giá thể, loại hom, che sáng, mật độ, phân bón đã được thiết kế tương đối cụ thể, nhưng cần bổ sung công thức đối chứng phù hợp, chỉ tiêu theo dõi thống nhất, phương pháp phân tích thống kê, số liệu lặp lại và tiêu chí lựa chọn công thức tối ưu để đưa vào quy trình.

- Thứ tư: Nội dung xây dựng mô hình 10 ha là khối lượng lớn, cần làm rõ điều kiện lựa chọn hộ tham gia, cam kết đối ứng, nguồn cây giống, quy trình chăm sóc, cơ chế giám sát kỹ thuật, phương án tiêu thụ sản phẩm và trách nhiệm của HTX, Hội Nông dân, UBND xã trong duy trì mô hình sau đề tài.

** Về tổ chức thực hiện và phối hợp địa phương*

- Trong Thuyết minh ghi “phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước: Không”, trong khi thực tế có tổ chức phối hợp là HTX Trần Phú và Hội Nông dân xã Chợ Rã. Nội dung này chưa thống nhất, cần chỉnh sửa. Cần bổ sung rõ vai trò của từng đơn vị phối hợp, gồm: cung cấp địa điểm, lựa chọn hộ dân, tổ chức tập huấn, quản lý mô hình, ghi chép nhật ký sản xuất, phối hợp chứng nhận VietGAP và tiếp nhận kết quả sau đề tài.

** Về tiến độ và kinh phí*

- Tiến độ 36 tháng cơ bản phù hợp với đặc điểm cây trồng và yêu cầu xây dựng mô hình. Tuy nhiên, một số nội dung thực hiện đồng thời trong các năm 2027 - 2028 cần rà soát để bảo đảm logic: phải có kết quả chọn lọc, phục tráng và nguồn giống ổn định trước khi triển khai mô hình quy mô lớn. Cần làm rõ lộ trình từ bình tuyển cây mẹ, nhân giống, trồng mô hình, đánh giá năng suất, chứng nhận VietGAP, công bố lưu hành giống và nghiệm thu.

** Một số hạn chế cần chỉnh sửa*

- Thuyết minh còn một số lỗi kỹ thuật văn bản như thiếu khoảng cách giữa chữ và số, lỗi chính tả “truy suất” cần sửa thành “truy xuất”, “quy tình” cần sửa thành “quy trình”, “Bò Khainghiên cứu” cần tách từ, “VietGap” nên thống nhất là “VietGAP”. Tên khoa học cần thống nhất cách viết là *Erythropalum scandens* Blume, không viết hoa tùy tiện phân định danh loài.

- Một số nội dung trình bày còn lặp, dài, chưa tập trung vào luận cứ trực tiếp của đề tài. Cần rà soát các thông tin về địa danh sau sắp xếp đơn vị hành chính, đặc

biệt là các xã Chợ Rã, Trần Phú, Ba Bể, An Khánh, Kim Phụng để bảo đảm đúng tên gọi, phạm vi hành chính và vùng triển khai tại thời điểm thực hiện đề tài.

- Cần bổ sung căn cứ pháp lý liên quan đến công bố lưu hành giống cây trồng, chứng nhận VietGAP, truy xuất nguồn gốc, quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, quản lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN và cơ chế tài chính đối với nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Bám sát đầy đủ từng sản phẩm đặt hàng của tỉnh; bổ sung nội dung công bố lưu hành giống; cụ thể hóa tiêu chí phục tráng và tiêu chí nghiệm thu giống; hoàn thiện phương pháp điều tra, bố trí thí nghiệm và phân tích thống kê; làm rõ phương án duy trì cây mẹ, nhân giống và chuyển giao sau đề tài; bổ sung phương án phối hợp với HTX, Hội Nông dân và chính quyền địa phương; xác định rõ phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 15%; rà soát toàn bộ lỗi chính tả, thuật ngữ, đơn vị tính và địa danh hành chính.

THƯ KÝ KHOA HỌC



Vũ Duy An